

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DS-ST

Ngày: 14-01-2025

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hết

- Ông Nguyễn Chí Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 424/2024/TLST-DS, ngày 22/11/2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 602/2024/QĐXX – ST, ngày 10/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Cao Văn N, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: số 204/5 ấp T, xã T, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Cao Văn P, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: số 8/1, ấp, xã T, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1955. Địa chỉ cư trú: ấp Thị, xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ông N và bà N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2024 của nguyên đơn ông Cao Văn N, lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của ông Cao Văn P có nội dung:

Ông Cao Văn N yêu cầu bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả số tiền vay còn thiếu:

- Tiền nợ gốc: 300.000.000 đồng.

- Tính lãi chậm trả với mức lãi suất 1,66%/tháng, tạm tính từ ngày 04/11/2022 đến ngày 04/11/2024 là 24 tháng với số tiền 99.600.000 đồng. Đồng thời tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 05/11/2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong.

Về lý do khởi kiện: Do quen biết, bà N có nhu cầu vay vốn phát triển kinh tế nên ngày 04/11/2022, ông N có cho bà N vay số tiền 300.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay tiền chứng thực tại Văn phòng công chứng T, huyện Thanh Phú, thời hạn trả là 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Do nhiều lần đòi nhưng bà N không trả, vi phạm thoả thuận nên ông N khởi kiện. Trong hợp đồng vay tiền có ghi là lãi theo thoả thuận nhưng thoả thuận bao nhiêu thì không có nêu. Nay ông N thừa nhận số tiền lãi 7%/tháng mà bà N trình bày. Đối với số tiền mà bà N cho rằng đóng lãi cho ông N 20.000.000 đồng, ông N thừa nhận có nhận số tiền này và đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi đã yêu cầu như nêu trên.

Về đề nghị của bà N về việc chờ bà khởi kiện vụ án khác lấy đất xong, bán đất rồi mới trả số tiền 300.000.000 đồng: Không đồng ý.

** Bị đơn bà Trần Thị N trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:*

Bà thừa nhận bà có vay số tiền 300.000.000 đồng của ông Cao Văn N, có làm hợp đồng vay tiền, có chứng thực tại Văn phòng công chứng Thanh Phú, lãi suất thoả thuận 7%/tháng (thoả thuận bằng lời nói, không có ghi vào hợp đồng). Lúc vay tiền thì thoả thuận là 10 ngày trả, tuy nhiên do bà trả trễ khoảng 01 tháng nên bà mới đóng lãi 20.000.000 đồng, không làm giấy tờ. Bà vay 300.000.000 đồng để lấy tiền trả tiền cho em gái (bà con) của bà do trước đó bà có mượn của em bà số tiền hai trăm mấy chục triệu, đến hạn chưa trả được nên bà mới vay tiền của ông N để trả.

Nay bà có đề nghị ông N cho bà thời gian, bà khởi kiện vụ án khác (đối với giao dịch dân sự khác, xảy ra sau khi vay số tiền 300.000.000 đồng này), bà lấy lại đất xong rồi bán đất trả số tiền 300.000.000 đồng cho ông Cao Văn N. Còn tiền lãi thì bà xin không trả vì nếu đợi bán đất nhiều ngày quá bà trả không nổi.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn N. Buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Cao Văn N tổng số tiền vay tài sản còn thiếu là: Tiền vay gốc là 300.000.000 đồng; Tiền lãi với mức lãi suất trong hạn 1,66%/tháng, tính từ 04/11/2022 đến ngày 14/11/2022 và tính lãi quá hạn 0,83%/tháng tính từ ngày 15/11/2022 đến ngày xét xử. Đồng thời khấu trừ 20.000.000 đồng tiền lãi mà ông N đã nhận từ bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mô Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của ông Cao Văn N, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

trong đó xác định ông Cao Văn N là nguyên đơn (do ông Cao Văn P là người đại diện theo uỷ quyền); Bà Trần Thị N là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Về số tiền vay tài sản 300.000.000 đồng mà ông Cao Văn N yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bên đương sự đều thống nhất vào ngày 04/11/2022, bà N có vay và ký tên “Hợp đồng vay tiền” vay số tiền 300.000.000 đồng của ông N. Nay bà N thừa nhận còn thiếu ông N số tiền 300.000.000 đồng này. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là sự thật, được bà N thừa nhận nên ông N không phải chứng minh. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông N yêu cầu trả vốn được chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về việc ông N yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 1,66%/tháng, từ ngày 04/11/2022 đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bên có thoả thuận thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày 04/11/2022 nhưng sau đó bà N không thực hiện được. Lãi thoả thuận tuy không ghi trong hợp đồng vay tiền nhưng các bên thừa nhận là 7%/tháng, ông N thừa nhận đã thu lãi với số tiền 20.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi yêu cầu như nêu trên. Thấy rằng mức lãi nêu trên vượt quá quy định tại Điều 357, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được tính lại theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, mức lãi trong hạn được tính từ ngày 04/11/2022 đến ngày 14/11/2022 là 10 ngày $\times$ 300.000.000 đồng $\times$ 1,66%/tháng = 1.660.000 đồng.

Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu tiền lãi của số tiền chậm trả theo quy định. Về thời gian bà N vi phạm nghĩa vụ trả tiền được tính từ ngày 15/11/2022. Do mức lãi trong hạn các bên thoả thuận vượt quá quy định, hiện phía bị đơn không đồng ý trả lãi quá hạn và các bên cũng không có thoả thuận hay thống nhất mức lãi quá hạn được áp dụng nên mức lãi quá hạn sẽ được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể thời gian chậm trả tính đến ngày xét xử là 26 tháng $\times$ 300.000.000 đồng $\times$ 0,83%/tháng = 64.740.000 đồng.

Tổng cộng lãi trong hạn và lãi quá hạn được chấp nhận là 66.400.000 đồng. Ông N đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi 20.000.000 đồng đã nhận từ bà N nên số tiền lãi mà bà N phải trả cho ông N đến thời điểm xét xử là 46.400.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng vốn và lãi ông N yêu cầu được chấp nhận là: 346.400.000 đồng, buộc bà N phải trả cho ông N.

Bác phân chênh lệch giữa yêu cầu khởi kiện của ông N và yêu cầu được chấp nhận là: 84.740.000 đồng.

3. Về việc bà N xin đợi bán được tài sản để trả tiền, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thấy rằng đối với giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất như bà N trình bày, bà N cho rằng chỉ đang làm thủ tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, nay chưa có kết quả giải quyết cuối cùng. Người đại diện của nguyên đơn không đồng ý đợi như đề nghị của bà N nên không có cơ sở để ghi nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn thiếu, còn về thời gian và phương thức trả tiền sẽ được xem xét, giải quyết trong quá

trình thi hành án, thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí theo quy định:

Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả. Tuy nhiên được miễn do là người cao tuổi.

Ông N phải chịu án phí phần yêu cầu bị bác.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn N.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Cao Văn N tổng số tiền vay tài sản còn thiếu là: 346.400.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng). Trong đó:

+ Tiền vay gốc là: 300.000.000 đồng.

+ Tiền lãi (trong hạn và quá hạn) là: 46.400.000 đồng.

2. Bác yêu cầu của ông Cao Văn N đối với phần chênh lệch giữa yêu cầu và phần được chấp nhận là 84.740.000 đồng (Tám mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Đối với nghĩa vụ phải trả tiền: 17.320.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), bà Trần Thị N chịu. Tuy nhiên, bà Trần Thị N được miễn do là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định.

Đối với yêu cầu bị bác: 4.237.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng), ông Cao Văn N chịu. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 9.990.000 đồng (Chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004950, ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Ông Cao Văn N được hoàn trả lại 5.753.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Dương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng